

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DSST

Ngày: 02-7-2019

*“V/v Tranh chấp dân sự về
thừa kế quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.

Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đạm- Kiểm sát viên.

Ngày 02- 7-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 380/2017/TLST - DS ngày 28-7-2017, về vụ án *“Tranh chấp dân sự về thừa kế quyền sử dụng đất”* Thông báo mở lại phiên tòa số: 13/2019/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 196A, Đường ĐT 848, ấp An T, xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bà Trần Thị Yến P, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Đường Hà Quy T, Khóm 4, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 65, Khu dân cư Khóm 1, thị trấn Mỹ A, huyện Tháp M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Ông Trần Đình N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 432/7, tổ 55, khóm Mỹ Đ, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Trần Quốc V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 129A, ấp Mỹ Thị A, xã Mỹ A, huyện Tháp M, Đồng Tháp.

2/ Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1973.

3/ Chị Trần Thị Thùy T1, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Tổ 65, khóm Mỹ L, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966.

5/ Anh Trần Đình C, sinh năm 1989.

6/ Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1993.

7/ Anh Trần Thế T3, sinh năm 1992.

8/ Võ Thị T4, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Số 432/7, Tổ 55, khóm Mỹ Đ, Phường 3, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn Trần Ngọc G, Trần Thị Yến P, Trần Thị Hồng T, bị đơn Trần Đình N, người liên quan Nguyễn Thị H1, Trần Thế T3, Trần Đình C có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Ngọc G, Trần Thị Hồng T và Trần Thị Yến P trình bày: Cha các nguyên đơn là ông Trần Văn P, sinh năm 1937 (chết ngày 14/01/2017) và mẹ là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1934 (chết ngày 03/02/2007), cha mẹ các nguyên đơn sinh được 06 người con gồm:

1/ Trần Thị Yến P, sinh năm 1964;

2/ Trần Đình N, sinh năm 1967;

3/ Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1967;

4/ Trần Thị Hồng T, sinh năm 1973;

5/ Trần Quốc T5, sinh năm 1966 (chết năm 1998). Ông T5 lập gia đình và sinh một người có tên Trần Quốc V, là hàng thừa kế của ông T5.

6/ Trần Việt C1, sinh năm 1972 (chết năm 2006). Ông C1 lập gia đình và sinh một người con tên Trần Thị Thùy T1, là hàng thừa kế của ông C1, Trần Thị Hồng H, sinh năm 1973 là người đại diện.

Khi còn sống, cha mẹ của các nguyên đơn để lại tài sản chung là 02 phần diện tích đất gồm các thửa như sau:

+ Diện tích đất 968,9m² đất cây lâu năm (đo đạc thực tế 948.2 m²), thửa 107, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Khóm Mỹ Đức, Phường 3, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Trên diện tích đất này có 01 căn nhà cấp 4 do cha mẹ các nguyên đơn cất năm 2006.

+ Diện tích đất 2.851,9m² đất lúa (đo đạc thực tế là 2.924.8 m²), thửa 267, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Khóm Mỹ Đức, Phường 3, thành phố Cao Lãnh.

Hiện 02 phần diện tích đất nêu trên do con trai thứ ba của cha mẹ các nguyên đơn là Trần Đình N quản lý, sử dụng.

Ông P, bà M chết không để lại di chúc. Như vậy 02 phần diện tích đất tọa lạc tại Tổ 55, khóm Mỹ Đức, Phường 3, thành phố Cao Lãnh là tài sản của tất cả anh chị em các nguyên đơn được hưởng thừa kế theo pháp luật.

Về phần của ông T5, do thời điểm ông T5 làm ăn sinh sống bên gia đình vợ nên lúc ông T5 chết, cha mẹ không có chia phần tài sản, nhưng hiện nay

cháu V là hàng thừa kế của ông T5 có yêu cầu thì cũng xem xét giải quyết như một đồng thừa kế.

Về phần của ông C1 chết năm 2006, đến năm 2007, cha đã chia cho gia đình ông C1 01 căn nhà trong đó có các đồ dùng khác và diện tích đất 1.000m², tọa lạc tại Khóm Mỹ Đức, Phường 3, thành phố Cao Lãnh. Hiện nay, tài sản trên do bà H và Thù T1 đang quản lý, sử dụng.

Về phần của ông N, năm 2000 thì cha mẹ các nguyên đơn đã chia phần tài sản chung của gia đình ông N là 08 cây vàng (80 chỉ vàng) 24kara. Sau đó năm 2001, cha các nguyên đơn tiếp tục chia gia đình ông N thêm 20.000.000 đồng.

Do hiện nay 02 phần diện tích đất trên do ông N đang quản lý, sử dụng nên các nguyên đơn yêu cầu ông N chia thừa kế 02 phần diện tích đất trên pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế như sau:

+ Yêu cầu ông N chia diện tích đất 968,9m², thửa 107, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Khóm Mỹ Đức, Phường 3, thành phố Cao Lãnh làm 04 phần cho bà G, T, P, ông N mỗi người một phần theo sự thỏa thuận các bên tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21-11-2017 và Biên bản thẩm định bổ sung ngày 24-01-2019.

+ Yêu cầu ông N chia diện tích đất 2.851,9m², thửa 267, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Khóm 1, Phường 3, thành phố Cao Lãnh (nay là khóm Mỹ Đức, Phường 3) làm 05 phần; bà G, T, P, ông N, anh V mỗi người một phần theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19-04-2018.

+ Yêu cầu mở một lối đi ngang 03m đi vào khu mộ. Toàn bộ diện tích lối đi do bà G, T, P, ông N đứng tên.

Còn lại 01 căn nhà cấp 4 các nguyên đơn đồng ý giao cho ông N quản lý, sử dụng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Trần Đình N trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của các anh chị em trong gia đình. Phần đất cha mẹ để lại hiện ông đang quản lý sử dụng và đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông N đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn và người liên quan.

Bà H1, anh C, T3, T, H và T4 thống nhất theo trình bày của ông Trần Đình N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Quốc V trình bày: Phần đất đang tranh chấp giữa các nguyên đơn với ông Trần Đình N là phần di sản của của ông Trần Văn P và bà Võ Thị M. Ông P và bà M có 06 người con, trong đó có cha anh là ông Trần Quốc T5, ông T5 đã mất năm 1998 và chưa được ông P, bà M chia tài sản khi còn sống. Anh V là người thừa kế thế vị của ông T5 nên nay anh V yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông P và bà M, phần của ông T5 được hưởng bao nhiêu thì anh V yêu cầu được nhận bấy nhiêu và yêu cầu nhận giá trị chứ không yêu cầu nhận đất.

Ngày 26/01/2018, anh V có đơn thay đổi yêu cầu phản tố, anh V yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông P và bà M, phần của ông T5 được

hưởng bao nhiêu thì anh V yêu cầu được nhận bấy nhiêu và yêu cầu nhận đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh V rút lại một phần yêu cầu chỉ nhận phần đất ruộng, không yêu cầu nhận phần đất cây lâu năm.

- Bà Trần Thị Hồng H cũng là người đại diện cho Trần Thị Thùy T1 trình bày: Bà là vợ của ông Cường, giữa bà và ông Cường có một đứa con tên Trần Thị Thùy T1. Ông Cường chết năm 2006, đến năm 2007, cha đã chia cho gia đình diện tích đất 1.000m², tọa lạc tại Khóm Mỹ Đức, Phường 3, thành phố Cao Lãnh. Nay bà cùng con gái là Trần Thị Thùy T1 không yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mẹ để lại.

- Về tài liệu chứng cứ các bên cung cấp và Tòa án đã thu thập được được các bên thống nhất gồm: Hồ sơ cấp đất của ông Trần Văn P; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; 01 Biên bản định giá tài sản; Xác nhận hàng thừa kế của ông Trần Văn P.

- Ý kiến của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ và chấp hành tốt, không có kiến nghị. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, trong vụ án này, Tòa án chấp hành tốt về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của chia thừa kế của các nguyên đơn và anh Trần Quốc V. Ghi nhận sự thỏa thuận chia thừa kế của các đồng thừa kế của ông Trần Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chia thừa kế tài sản theo pháp luật nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất”.

[2] Về thẩm quyền: Diện tích đất tranh chấp và địa chỉ của bị đơn tại thành phố Cao Lãnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Cao Lãnh theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt đối với các đương sự vắng mặt.

Đối với đương sự Trần Thị Hồng H và Trần Thị Thùy T1 mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ để H1 giải và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Về nguồn gốc đất các bên tranh chấp của ông Trần Văn P, sinh năm 1937 (chết ngày 14/01/2017) và mẹ là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1934 (chết ngày 03/02/2007) để lại. Bà M và ông P có tổng cộng 06 người con là Trần Thị Yến P, sinh năm 1964; Trần Đình N, sinh năm 1967; Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1967; Trần Thị Hồng T, sinh năm 1973; Trần Quốc T5, sinh năm 1966 (chết năm 1998). Ông T5 lập gia đình và sinh một người có tên Trần Quốc V, là hàng thừa kế của ông T5; Trần Việt C1, sinh năm 1972 (chết năm 2006), có con tên Trần Thị Thùy T1, là hàng thừa kế của ông C1.

Năm 2003, ông P đăng ký và được UBND thành phố Cao Lãnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn P đứng tên vào ngày 01/7/2013 thuộc thửa 107, tờ bản đồ số 11, diện tích đất 968,9m² đất cây lâu năm (đo đạc thực tế 948.2 m²) và thửa thửa 267, tờ bản đồ số 11, diện tích đất 2.851,9m² đất lúa (đo đạc thực tế là 2.924.8 m²), tọa lạc tại Khóm Mỹ Đức, Phường 3, thành phố Cao Lãnh.

Sau khi ông P chết không để lại di chúc phát sinh quyền thừa kế theo pháp luật của các con ông P..

Theo thống nhất của các bên thì toàn bộ phần đất trên là di sản thừa kế của ông P và bà M để lại. Các bên thỏa thuận phân căn nhà ông P để lại giao cho ông Trần Đình N thừa hưởng để thờ cúng cha mẹ, phần diện tích làm lối đi chung vô nhà, vô khu mộ và diện tích khu mộ thì ông N, bà G, P T cùng đứng tên. Diện tích còn lại là di sản thừa kế chia theo yêu cầu và thỏa thuận của các đương sự.

Riêng đối với Trần Thị Thùy T1 là người thừa kế thế vị của ông Trần Việt C1 không yêu cầu chia thừa kế nên không xem xét chia thừa kế phần của ông C1 mà chỉ xem xét chia di sản cho các đồng thừa kế còn lại.

[5] Về yêu cầu của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự thỏa thuận chia thừa kế nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện chia thừa kế của các đương sự như sau:

- Bà Trần Thị Ngọc G được hưởng thừa kế theo pháp luật diện tích 105.8 m² đất cây lâu năm theo các mốc từ A, 24, 33, 32, 30, 25, 23, B, về A thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 11.

Và diện tích 600,7 m² đất lúa theo các mốc 10, 13, 18, 21, 20, 19, 12, 11 về mốc 10 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 11.

- Bà Trần Thị Hồng T và Trần Thị Kim P được hưởng thừa kế theo pháp luật diện tích 195.9 m² đất cây lâu năm theo các mốc từ A, 24, 33, 34, 5, 4, 3, 2, 35, về mốc A thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 11.

Và diện tích lúa bà T và P được hưởng như sau:

- + Bà Trần Thị Kim P được hưởng 601,3 m² đất lúa theo các mốc từ 10, 13, 18, 21, 5, 22, 17, 14, 9 về mốc 10 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 11.

- + Bà Trần Thị Hồng T được hưởng diện tích 573,9 m² đất lúa theo các mốc 8, 9, 14, 17, 22, 23, 16, 15 về 8 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 11.

- Anh Trần Quốc V được hưởng thừa kế thế vị di sản thừa kế của cha anh theo pháp luật diện tích 543.6 m² đất lúa theo các mốc từ mốc 8, 15, 16, 23, 6, 7 về mốc 8 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 11.

- Ông Trần Đình N được hưởng toàn bộ căn nhà của ông P để lại và diện tích đất được hưởng thừa kế như sau:

+ Phần đất cây lâu năm diện tích 303,3 m² theo các mốc từ B, 20, 21, 27, E, D, C, 31, 32, 30, 25, 23 về mốc B thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 11.

+ Phần đất lúa ông N được hưởng diện tích 605,3 m² từ các mốc 1, 2, 3, 4, A, 20, 19, 12, 11 về mốc 1 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 11.

Ông Trần Đình N có nghĩa vụ giao toàn bộ diện tích đất còn lại hiện ông đang quản lý cho các đồng thừa kế được hưởng và sử dụng theo các mốc đã nêu trên.

Ông Trần Đình N có nghĩa vụ di dời 01 nhà vệ sinh, 01 nhà chứa củi trên phần diện tích bà G, T và P được hưởng.

Ông Trần Đình N có nghĩa vụ tháo dỡ di dời một phần căn nhà tạm diện tích 24,2 m² theo các mốc E, 9, 8, 7, C, D về mốc E để mở lối đi chung vào khu mộ gia đình.

- Ông Trần Đình N, Trần Thị Ngọc G, Trần Thị Kim P và Trần Thị Hồng T được đứng tên lối đi chung diện tích 212,5 m², diện tích lối đi chung vào khu mộ 24,2m² và diện tích khu mộ 101,9m² theo các mốc 1, 2, 35, A, B, 19, 20, 21, 27, E, D, C, 31, 32, 33, 34, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18 về mốc 1 thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 11.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 19-4-2018, 02-11-2017; ngày 24-01-2019; Sơ đồ đo đạc ngày 24-01-2019 và ngày 24-4-2019; Biên bản định giá ngày 17-5-2018).

- Đối với các phần tài sản có trên phần đất tranh chấp ông N không yêu cầu bồi thường, cũng không yêu cầu trả chi phí di dời để giao đất cho các đồng thừa kế khác. Đây là sự tự nguyện của ông N và phù hợp nên không đặt vấn đề bồi thường.

- Đối với phần chênh lệch giá trị tài sản được hưởng giữa các đồng thừa kế, các đương sự không yêu cầu những người nhận tài sản nhiều hơn trả lại nên không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về chi phí giám định, thẩm định và định giá tài sản:

+ Do yêu cầu chia thừa kế được chấp nhận và mỗi bên đều được hưởng một phần di sản nên mỗi người chịu 01 phần chi phí thẩm định và định giá tài sản.

+ Chi phí thẩm định và định giá tổng cộng là 9.708.000 đồng, mỗi phần hưởng thừa kế chịu 1/5 chi phí này là 1.941.600 đồng. Số tiền này bà Trần Thị Ngọc G đã tạm ứng nộp trước và chi xong. Ông Trần Đình N, bà Trần Thị Hồng T, Trần Thị Yến P mỗi người nộp lại 1.941.600 đồng để trả lại cho bà Trần Thị Ngọc G.

[7] Về phát biểu của Viên kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác:

- Tại phiên tòa Viện kiểm sát phát biểu việc chấp hành pháp luật, về tố tụng là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ, về nội dung là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí thì do yêu cầu chia thừa kế được chấp nhận nên phải chịu án phí với phần tài sản mình được hưởng được nhận như sau:

- Bà Trần Thị Ngọc G phải chịu 650.670 đồng tiền án phí dân sự chia thừa kế đất lâu năm và 3.338.500 đồng tiền án phí đất lúa. Tổng cộng là 3.989.170 đồng, khấu trừ vào số tiền bà G đã nộp là 6.344.000 đồng theo biên lai số 17466 ngày 25-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, bà G được nhận lại số tiền 2.354.830 đồng.

- Bà Trần Thị Yến P phải chịu 3.307.150 đồng tiền án phí chia thừa kế phần đất lúa, khấu trừ vào số tiền bà P đã nộp là 6.344.000 đồng theo biên lai số 17467 ngày 25-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, bà P được nhận lại số tiền 3.037.249 đồng.

- Bà Trần Thị Hồng T phải chịu 3.156.450 đồng tiền án phí chia thừa kế phần đất lúa, khấu trừ vào số tiền bà T đã nộp là 6.344.000 đồng theo biên lai số 17465 ngày 25-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, bà T được nhận lại số tiền 3.187.550 đồng.

- Bà Trần Thị Yến P và Trần Thị Hồng T phải chịu 1.292.940 đồng tiền án phí chia thừa kế phần đất cây lâu năm.

- Anh Trần Quốc V phải chịu 2.989.800 đồng tiền án phí chia thừa kế phần đất lúa, khấu trừ vào số tiền anh V đã nộp là 5.00.000 đồng theo biên lai số 00142 ngày 21-9-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, anh V được nhận lại số tiền 2.010.200 đồng.

- Ông Trần Đình N phải 2.001.780 đồng tiền án phí dân sự chia thừa kế đất lâu năm và 3.329.150 đồng tiền án phí đất lúa. Tổng cộng là 5.330.780 đồng.

- Ông Trần Đình N, bà Trần Thị Ngọc G, Trần Thị Yến P, Trần Thị Hồng T phải nộp 2.228.800 đồng tiền án phí chia thừa kế lỗi đi chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 649; 651 và 652 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí.

- Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị Ngọc G, Trần Thị Yến P, Trần Thị Hồng T, anh Trần Quốc V.

- Ghi nhận sự tự nguyện chia thừa kế của các đương sự như sau:

- Bà Trần Thị Ngọc G được hưởng thừa kế theo pháp luật diện tích 105.8 m² đất cây lâu năm theo các mốc từ A, 24, 33, 32, 30, 25, 23, B, về A thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 11.

Và diện tích 600,7 m² đất lúa theo các mốc 10, 13, 18, 21, 20, 19, 12, 11 về mốc 10 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 11.

- Bà Trần Thị Hồng T và Trần Thị Kim P được hưởng thừa kế theo pháp luật diện tích 195.9 m² đất cây lâu năm theo các mốc từ A, 24, 33, 34, 5, 4, 3, 2, 35, về mốc A thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 11.

Và diện tích lúa bà T và P được hưởng như sau:

+ Bà Trần Thị Kim P được hưởng 601,3 m² đất lúa theo các mốc từ 10, 13, 18, 21, 5, 22, 17, 14, 9 về mốc 10 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 11.

+ Bà Trần Thị Hồng T được hưởng diện tích 573,9 m² đất lúa theo các mốc 8, 9, 14, 17, 22, 23, 16, 15 về 8 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 11.

- Anh Trần Quốc V được hưởng thừa kế thế vị di sản thừa kế của cha anh theo pháp luật diện tích 543.6 m² đất lúa theo các mốc từ mốc 8, 15, 16, 23, 6, 7 về mốc 8 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 11.

- Ông Trần Đình N được hưởng toàn bộ căn nhà của ông Phối để lại và diện tích đất được hưởng thừa kế như sau:

+ Phần đất cây lâu năm diện tích 303,3 m² theo các mốc từ B, 20, 21, 27, E, D, C, 31, 32, 30, 25, 23 về mốc B thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 11.

+ Phần đất lúa ông N được hưởng diện tích 605,3 m² từ các mốc 1, 2, 3, 4, A, 20, 19, 12, 11 về mốc 1 thuộc thửa 267, tờ bản đồ số 11.

Ông Trần Đình N có nghĩa vụ giao toàn bộ diện tích đất còn lại hiện ông đang quản lý cho các đồng thừa kế được hưởng và sử dụng theo các mốc đã nêu trên.

Ông Trần Đình N có nghĩa vụ di dời 01 nhà vệ sinh, 01 nhà chứa củi trên phần diện tích bà G, T và P được hưởng.

Ông Trần Đình N có nghĩa vụ tháo dỡ di dời một phần căn nhà tạm diện tích 24,2 m² theo các mốc E, 9, 8, 7, C, D về mốc E để mở lối đi chung vào khu mộ gia đình.

- Ông Trần Đình N, Trần Thị Ngọc G, Trần Thị Kim P và Trần Thị Hồng T được đứng tên lối đi chung diện tích 212,5 m², diện tích lối đi chung vào khu mộ 24,2m² và diện tích khu mộ 101,9m² theo các mốc 1, 2, 35, A, B, 19, 20, 21, 27, E, D, C, 31, 32, 33, 34, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18 về mốc 1 thuộc thửa đất số 107, tờ bản đồ số 11.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định ngày 19-4-2018, 02-11-2017; ngày 24-01-2019; Sơ đồ đo đạc ngày 24-01-2019 và ngày 24-4-2019; Biên bản định giá ngày 17-5-2018).

Các đương sự được hưởng thừa kế có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký phần diện tích đất được hưởng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi diện tích đất cấp cho hộ ông Trần Văn P tại thửa 267 và thửa 107 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại khóm

Mỹ Đức, phường 3, thành phố Cao Lãnh để cấp lại cho các hàng thừa kế của ông Phôi theo bản án của Tòa án.

*** Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản:**

Chi phí thẩm định và định giá tổng cộng là 9.708.000 đồng, mỗi phần hưởng thừa kế chịu 1/5 chi phí này là 1.941.600 đồng. Số tiền này bà Trần Thị Ngọc G đã tạm ứng nộp trước và chi xong. Ông Trần Đình N, bà Trần Thị Hồng T, Trần Thị Yến P mỗi người nộp lại 1.941.600 đồng để trả lại cho bà Trần Thị Ngọc G.

*** Về án phí:**

- Bà Trần Thị Ngọc G phải chịu 650.670 đồng tiền án phí dân sự chia thừa kế đất lâu năm và 3.338.500 đồng tiền án phí đất lúa. Tổng cộng là 3.989.170 đồng, khấu trừ vào số tiền bà G đã nộp là 6.344.000 đồng theo biên lai số 17466 ngày 25-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, bà G được nhận lại số tiền 2.354.830 đồng.

- Bà Trần Thị Yến P phải chịu 3.307.150 đồng tiền án phí chia thừa kế phần đất lúa, khấu trừ vào số tiền bà P đã nộp là 6.344.000 đồng theo biên lai số 17467 ngày 25-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, bà P được nhận lại số tiền 3.037.249 đồng.

- Bà Trần Thị Hồng T phải chịu 3.156.450 đồng tiền án phí chia thừa kế phần đất lúa, khấu trừ vào số tiền bà T đã nộp là 6.344.000 đồng theo biên lai số 17465 ngày 25-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, bà T được nhận lại số tiền 3.187.550 đồng.

- Bà Trần Thị Yến P và Trần Thị Hồng T phải chịu 1.292.940 đồng tiền án phí chia thừa kế phần đất cây lâu năm.

- Anh Trần Quốc V phải chịu 2.989.800 đồng tiền án phí chia thừa kế phần đất lúa, khấu trừ vào số tiền anh V đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai số 00142 ngày 21-9-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, anh V được nhận lại số tiền 2.010.200 đồng.

- Ông Trần Đình N phải 2.001.780 đồng tiền án phí dân sự chia thừa kế đất lâu năm và 3.329.150 đồng tiền án phí đất lúa. Tổng cộng là 5.330.780 đồng.

- Ông Trần Đình N, bà Trần Thị Ngọc G, Trần Thị Yến P, Trần Thị Hồng T phải nộp 2.228.800 đồng tiền án phí chia thừa kế lỗi đi chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người liên quan

vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh;
- CC THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Phạm Minh Tùng